BAN NỘI CHÍNH
TRUNG ƯƠNG

CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC ANH

CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN LIÊN
HIỆP QUỐC

BÁO CÁO
PHÂN TÍCH SO SÁNH CƠ CHẾ ĐẢM BẢO LIÊM CHÍNH TƯ PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY KINH DOANH TẠI MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

Báo cáo này đang trong giai đoạn hoàn chỉnh nên không thể tham khảo, trích dẫn.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về: quang@nhquang.com

Nhóm Nghiên cứu

Nguyễn Hưng Quang
Trưởng nhóm
Luật sư điều hành
Văn phòng Luật sư
NHQuang&Cộng sự

Tưởng Duy Lượng
Nguyên Phó Chánh án
Tòa án nhân dân tối cao

BÁO CÁO TÓM TẮT PHÂN TÍCH SO SÁNH

CƠ CHẾ ĐẢM BẢO LIÊM CHÍNH TƯ PHÁP ĐỂ THÚC ĐẨY KINH DOANH TẠI MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49) và Kết luận 84-KL/TW của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ("Kết luận 84") khẳng định *"cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội"* [1]. Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết 48) và Kết luận số 83-KL/TW của Bộ Chính trị về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ("Kết luận 83") là *"xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân sự, kinh tế, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"* [2].

Hoạt động của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp để bảo đảm hợp đồng được thực thi, bảo đảm quyền tài sản của cá nhân, tổ chức là một trong những yếu tố then chốt để thúc đẩy hoạt động đầu tư kinh doanh[3]. Hệ thống cơ quan tư pháp, đặc biệt là tòa án có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế và xã hội[4]. Một hệ thống cơ quan tư pháp độc lập, có hiệu quả, có chất lượng và minh bạch sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc bảo đảm thực thi hợp đồng, bảo vệ tài sản của người dân[5] và người dân tin tưởng vào hệ thống pháp luật[6].

---

[1] Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

[2] Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

[3] Montesquieu đề cập đến trong cuốn "*Tinh thần luật pháp*" (*the Sprit of Law*) và Adam Smith trong cuốn "*Tìm hiểu về bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia*" (*An inquiry into the Nature and Causes of the Weath of Nations*).

[4] Dam, Kenneth W., *The Judiciary and Economic Development (tháng 10/2006)*. U Chicago Law & Economics, Olin Working Paper No. 287, http://ssrn.com/abstract=892030.

[5] Klerman, Daniel M. (2007), *Legal Infrastructure, Judicial Independence, and Economic Development*. 19 Pacific McGeorge Global Business & Development Law Journal 427-34; USC

Liêm chính tư pháp là một khái niệm rộng, cần được nghiên cứu trên bối cảnh về chính trị, văn hóa xã hội của Việt Nam và thực tiễn quốc tế. Ở Việt Nam, các tư tưởng, chính sách và quy định pháp luật đã đề ra những vấn đề, cơ chế để bảo đảm liêm chính trong hoạt động nhà nước nói chung và trong hoạt động tư pháp nói riêng. Một số chính sách, quy định pháp luật về cơ chế bảo đảm liêm chính tư pháp tại Việt Nam cũng đã có những tiếp thu các kinh nghiệm, khuyến nghị của cộng đồng quốc tế, như Các Nguyên tắc Bangalore về Đạo đức tư pháp, Tuyên bố Bắc Kinh về Độc lập tư pháp.

Mục tiêu của Báo cáo Phân tích so sánh cơ chế đảm bảo liêm chính tư pháp để thúc đẩy kinh doanh tại một số nước và bài học cho Việt Nam nhằm hỗ trợ các cơ quan xây dựng chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật (Nghị quyết 48 và Kết luận 83), Chiến lược cải cách tư pháp (Nghị quyết 49 và Kết luận 84) để tìm hiểu các tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn tốt trên thế giới về cơ chế bảo đảm liêm chính tư pháp để tạo điều kiện xây dựng thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là phát triển một môi trường kinh doanh công bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Đồng thời, Báo cáo đánh giá về thuận lợi và khó khăn của khung pháp luật hiện hành của Việt Nam về cơ chế bảo đảm liêm chính để thúc đẩy môi trường kinh doanh phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, như Các Nguyên tắc Bangalore về Đạo đức tư pháp (*Các Nguyên tắc Bangalore*), Tuyên bố Bắc Kinh về Độc lập tư pháp (*Tuyên bố Bắc Kinh)* và các thực tiễn quốc tế khác.

Dựa trên các cơ chế bảo đảm liêm chính được khái quát theo Các Nguyên tắc Bangalore, Báo cáo phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tới cơ chế bảo đảm liêm chính tư pháp có tác động như thế nào tới môi trường kinh doanh và phát triển kinh tế, cụ thể là thông qua các bộ chỉ số của Việt Nam và thế giới về môi trường kinh doanh. Đây là những chỉ số đã được Chính phủ Việt Nam tham

---

CLEO Research Paper No. C06-1; 7.8. Daniel M. Klerman, *Legal Infrastructure, Judicial Independence, and Economic Development*, https://ssrn.com/abstract=877490; Voigt, Stefan and Gutmann, Jerg and Feld, Lars P., *Economic Growth and Judicial Independence, a Dozen Years On: Cross-Country Evidence Using an Updated Set of Indicators* (19/08/2014), European Journal of Political Economy, Vol. 38, 2015, https://ssrn.com/abstract=2482982.

[6] Ngân hàng thế giới, Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business), *Why does commercial dispute resolution matter?*, trang 01.

khảo để cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao sức cạnh tranh của Việt Nam kể từ năm 2014 cho đến nay.

Theo các Báo cáo Môi trường Kinh doanh thường niên của Ngân hàng thế giới, Báo cáo Chỉ số Pháp quyền, Chỉ số Không tham nhũng, Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitive Report), và Chỉ số Tự do kinh tế Việt Nam (Index of Economic Freedom), Việt Nam tốt hơn nhiều quốc gia có cùng ở mức thu nhập bình quân đầu người ở mức trung bình thấp (cùng nhóm với Việt Nam) và kém hơn các quốc gia có mức độ phát triển kinh tế tốt hơn Việt Nam về Chỉ số Thực thi hợp đồng, Chỉ số Giải quyết phá sản, Quan chức nhà nước trong bộ máy tư pháp không lạm dụng quyền hạn cho tư lợi, Chỉ số Không tham nhũng, Chỉ số Độc lập tư pháp, Độc lập tư pháp, Chỉ số Hiệu quả tư pháp. Nhưng nếu so các chỉ số này của Việt Nam với các quốc gia có mức thu nhập bình quân đầu người ở mức trung bình hoặc thu nhập ở mức cao (là những quốc gia phát triển hơn Việt Nam) thì Việt Nam còn kém hơn những quốc gia này. Như vậy, Việt Nam muốn phát triển kinh tế tốt hơn, cải thiện môi trường kinh doanh có sức cạnh tranh hơn thì Việt Nam cần phải cải thiện các yếu tố mà những chỉ số này đã nêu ra.

Dựa trên kết quả nghiên cứu này, Báo cáo so sánh về cơ chế bảo đảm liêm chính tại ba (03) quốc gia, gồm Cộng hoà liên bang Đức, Liên bang Malaysia và Cộng hoà Singapore để so sánh với các cơ chế tương tự ở Việt Nam để tìm hiểu những vấn đề cần hoàn thiện cho Việt Nam trong việc thúc đẩy liêm chính tư pháp vì những quốc gia này có mức độ phát triển hơn Việt Nam (Singapore, Đức) hay tương tự với Việt Nam (Malaysia). Các cơ chế bảo đảm liêm chính tư pháp được nghiên cứu gồm: (1) Cơ chế tuyển dụng, đánh giá trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo Thẩm phán; (2) Chức năng và quản lý nhân sự tòa án; (3) Quản lý tòa án và vụ án; (4) Tiếp cận công lý và dịch vụ pháp lý; (5) Minh bạch hóa tòa án; (6) Đánh giá tòa án và hiệu quả hoạt động của tòa án; và (7) Quy tắc ứng xử ngành tư pháp và cơ chế xử lý kỷ luật. Những cơ chế được nghiên cứu này theo Hướng dẫn của UNODC.

Qua những phân tích định lượng theo số liệu tại các chỉ số của thế giới và nghiên cứu khái quát ba (03) quốc gia, Báo cáo đã cho thấy liêm chính tư pháp, đặc biệt là chất lượng hoạt động của các cơ chế bảo đảm liêm chính có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế và tăng trưởng đầu tư. Để có thực

hiện được các nhiệm vụ phát triển kinh tế và cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp mà Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung Ương đã đặt ra tại Nghị quyết 48 và Kết luận số 83, Nghị quyết 49 và Kết luận số 84, Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân[7], Nghị quyết 50-NQ/TW về hợp tác đầu tư nước ngoài[8], Nghị quyết 52-NQ/TW về chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư[9], Nghị quyết 39-NQ/TW về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn lực của nền kinh tế[10] và các yêu cầu về cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Chính phủ tại Nghị quyết 02/NQ-CP năm 2020[11] và Nghị quyết 02/NQ-CP năm 2021[12]..., Việt Nam cần phải cải thiện hơn nữa các cơ chế bảo đảm liêm chính tư pháp.

Dựa trên các phân tích, Báo cáo nhận thấy Việt Nam cần chú ý tới những vấn đề sau:

Hoàn thiện các chính sách, quy phạm pháp luật và các cơ chế để bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, chú trọng tới tính độc lập của hệ thống tư pháp, bảo đảm hiệu quả của hoạt động tư pháp và công tác phòng, chống tham nhũng. Các chỉ số liên quan đến nguyên tắc pháp quyền (Chỉ số Pháp quyền Thế giới, Chỉ số Tự do kinh tế, Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0) đã chỉ ra Việt Nam còn kém hơn các quốc gia có mức độ phát triển cao hơn ở những chỉ số này sẽ làm cho môi trường kinh doanh của Việt Nam kém cạnh tranh hơn. Đặc biệt, Việt Nam kém hơn nhiều ở những chỉ số thành phần, như Độc lập tư pháp, Không tham nhũng, Hiệu quả tư pháp và Chính phủ liêm chính. Do đó, những vấn đề này đòi hỏi Việt Nam cần phải có những chiến lược cải cách hệ thống pháp luật

---

[7] Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/06/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

[8] Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

[9] Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

[10] Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Ban Chấp hành Trung Ương về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn lực của nền kinh tế.

[11] Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

[12] Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.

và tư pháp toàn diện trong giai đoạn kế tiếp trên tinh thần kế thừa các thành tựu của Nghị quyết 48 và Nghị quyết 49.

Nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng và phá sản. Mặc dù Việt Nam có chất lượng về giải quyết tranh chấp hợp đồng và phá sản tốt hơn nhiều nước có cùng mức độ phát triển nhưng vẫn còn kém hơn các quốc gia ở mức độ phát triển tốt hơn và kém hơn ba quốc gia, Singapore, Malaysia và Đức, đã được nghiên cứu. Việc cải thiện hai chỉ số này thực chất là cải cách hệ thống Tòa án hoạt động hiệu quả hơn, đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp.

Dựa trên những kết luận nêu trên và tham khảo kinh nghiệm của ba quốc gia được lựa chọn nghiên cứu (Singapore, Malaysia và Đức), Báo cáo này đề xuất Ban Nội chính Trung ương với nhiệm vụ được giao[13] về một số vấn đề cụ thể để phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu với các cấp, cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các cơ chế bảo đảm liêm chính tư pháp (cụ thể là hệ thống Tòa án) tại Việt Nam, như sau:

1. Lựa chọn và bổ nhiệm của Thẩm phán là những công chức thực tài và có phẩm chất

a. Mở rộng nguồn bổ nhiệm Thẩm phán để có thể lựa chọn được những Thẩm phán có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ cho sự phát triển của hệ thống tư pháp và sự phát triển kinh tế.

Kinh nghiệm của Singapore, Malaysia và Đức cho thấy hệ thống Tòa án tại các quốc gia này đã mở rộng nguồn bổ nhiệm Thẩm phán mà không giới hạn từ

[13] Quyết định số 216-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 02/01/2020 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Nội chính Trung ương, Điều 2: "*chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tham mưu với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, khắc phục những sơ hở, bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp*" và "*tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng lý luận về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp*". Ban Nội chính Trung ương cũng đã được Bộ Chính trị giao làm đầu mối theo dõi việc thực hiện Kết luận 84.

nguồn nhân sự của Tòa án (như thư ký, cán bộ Tòa án) để lựa chọn được các ứng viên tốt cho việc bổ nhiệm Thẩm phán. Kinh nghiệm của Singapore, Malaysia và Đức cho thấy để có được nguồn Thẩm phán với kiến thức đa dạng ở nhiều lĩnh vực thì nguồn bổ nhiệm chủ yếu từ các luật sư đang hành nghề, có uy tín về đạo đức, chuyên môn cao. Để có được ngay những người có được kiến thức và kinh nghiệm về thương mại quốc tế tốt và được đào tạo tốt ở nước ngoài, kinh nghiệm ở Singapore cho thấy là ưu tiên bổ nhiệm những người đã từng học tập tại một số nước phát triển như Vương Quốc Anh, Australia, New Zealand hay Hoa Kỳ hoặc cử các Thẩm phán có đủ năng lực để tham gia các chương trình đào tạo tại các trường luật nổi tiếng của thế giới, như Đại học Harvard hay Đại học Stanford. Cơ chế lựa chọn Thẩm phán từ nguồn mở rộng giúp cho các quốc gia này có được những Thẩm phán có chất lượng trong thời gian nhanh chóng và đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Qua đó, phần nào bảo đảm liêm chính cho hoạt động tư pháp.

b. Củng cố quy trình bổ nhiệm Thẩm phán theo hướng minh bạch về tiêu chuẩn, có sự cạnh tranh để lựa chọn được ứng viên thực tài và có phẩm chất đạo đức

Quy trình bổ nhiệm Thẩm phán tại ba quốc gia đều cho thấy tính độc lập, minh bạch trong thủ tục bổ nhiệm. Tương tự như ở Việt Nam, Singapore và Đức thì bên cạnh việc đặt ra các tiêu chuẩn để lựa chọn ứng viên còn đặt ra yêu cầu về thi để trở thành Thẩm phán. Như vậy, nếu mở rộng nguồn bổ nhiệm và thúc đẩy tính cạnh tranh thì các kỳ thi Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp hay Thẩm phán cao cấp cần tạo điều kiện bình đẳng cho các đối tượng đủ điều kiện tham gia.

2. Bảo đảm thu nhập của Thẩm phán để Thẩm phán có thể độc lập, kiên định bảo vệ công lý và giữ gìn liêm chính của Thẩm phán

Lương và các thu nhập chính đáng khác của Thẩm phán ở Việt Nam cần phải được cải cách theo hướng đột phá như các quốc gia được nghiên cứu để giữ gìn được tính độc lập, kiên định bảo vệ công lý và liêm chính của Thẩm phán. Mức lương phải thật cao so với các ngành khác như kinh nghiệm tại Singapore và Đức. Trong trường hợp chưa thể thay đổi được mức lương theo

hướng đột phá thì cần có các cơ chế về phụ cấp thiết yếu cho Thẩm phán, như phụ cấp/trợ cấp về nhà ở tại Malaysia và Đức.

3. Xây dựng cơ chế giám sát và kỷ luật Thẩm phán thích hợp để bảo đảm tính độc lập của hệ thống Tòa án và liêm chính trong hoạt động tư pháp

Để có thể bảo đảm độc lập tư pháp thì bên cạnh phát triển năng lực của đội ngũ Thẩm phán, mở rộng nguồn bổ nhiệm, tăng thu nhập cho Thẩm phán thì cũng cần phải xây dựng một cơ chế giám sát và kỷ luật Thẩm phán thích hợp. Cả 3 quốc gia được nghiên cứu đều có cơ chế giám sát Thẩm phán bảo đảm được tính độc lập tư pháp nhưng cũng bảo đảm được hiệu quả trong công việc của Thẩm phán.

Thứ nhất, Singapore, Malaysia và Đức đều có cơ chế giám sát nội bộ và cơ chế giám sát bên ngoài đối với hoạt động của Thẩm phán và Tòa án, tương tự như Việt Nam. Tuy nhiên, do cấu trúc chính trị của các quốc gia này là có sự phân công quyền lực nên các cơ chế giám sát của họ đã phát huy tác dụng để tác động vào chất lượng hoạt động tư pháp và kiểm soát hành vi của Thẩm phán. Do đặc điểm về cấu trúc chính trị của Việt Nam có sự khác biệt nên đòi hỏi cơ chế giám sát Thẩm phán của Việt Nam phải được thiết kế thích hợp với cấu trúc chính trị này và phải bảo đảm được tính hiệu quả trong hoạt động giám sát, giảm trừ tính phiến diện, hình thức.

Thứ hai, quy trình và thủ tục đánh giá, khen thưởng và kỷ luật Thẩm phán cần được quy định rõ ràng để Thẩm phán không bị áp lực hay tác động mà có thể ảnh hưởng tới tính độc lập tư pháp và có sự tham gia của cơ quan ngoài hệ thống Tòa án để hạn chế tính khép kín trong đánh giá, khen thưởng và xử lý kỷ luật Thẩm phán. Kinh nghiệm ở Đức cho thấy việc kỷ luật Thẩm phán được thông qua một hội đồng xét xử của cơ quan tư pháp, hoặc trong trường hợp liên quan đến tham nhũng thì sẽ được xem xét bởi cơ quan phòng chống tham nhũng độc lập như ở Malaysia, Singapore.

4. Cần cải thiện thời gian giải quyết tranh chấp tại Tòa án, công khai hoạt động tố tụng để bảo đảm tính minh bạch của quá trình tố tụng cũng như kiểm soát được thời gian giải quyết vụ án

a. Thời gian giải quyết tranh chấp các vụ án kinh doanh thương mại của Việt Nam cần phải được rút ngắn hơn so với thực tế hiện nay và tăng cường các biện pháp quản lý thời hạn trong tố tụng

Thời gian giải quyết các vụ án dân sự và kinh doanh thương mại của Tòa án là yếu tố tác động mạnh mẽ nhất tới niềm tin của người dân vào hệ thống Tòa án. Ở Việt Nam, khoảng thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng còn ở mức trung bình nhưng quy trình giải quyết vụ án chưa được công khai so với nhiều quốc gia có cùng mức phát triển nhưng lại kém hơn Singapore, Malaysia và Đức. Việt Nam cần nhanh chóng triển khai áp dụng thủ tục tố tụng trực tuyến, thủ tục rút gọn đối với các vụ án có chứng cứ rõ ràng hay có giá trị nhỏ... Cải thiện được thời gian giải quyết vụ án thì cũng sẽ tác động giảm chi phí giải quyết tranh chấp, giảm những tiêu cực khác trong hoạt động tố tụng. Kinh nghiệm tại Singapore, Malaysia và Đức đều cho thấy các quốc gia này đang triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết vụ án và trong hoạt động của Tòa án để có thể rút ngắn được thời gian giải quyết tranh chấp.

TANDTC cần có các biện pháp mạnh mẽ trong việc tăng cường quản lý thời hạn của từng bước, từng giai đoạn tố tụng của mỗi vụ án, bao gồm: nâng mức chế tài đối với Thẩm phán để án quá hạn, công khai thông tin về các hoạt động giải quyết vụ án của Tòa án và các bên tham gia tố tụng, phân công án phù hợp với năng lực và kinh nghiệm giải quyết vụ án của Thẩm phán... Ngoài ra, việc công khai các hoạt động giải quyết vụ án của Tòa án sẽ giúp cho việc quản lý các thời hạn tố tụng được tốt hơn và nâng cao tính minh bạch của hoạt động Tòa án mà không ảnh hưởng tới tính bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh của các bên đương sự.

Kinh nghiệm tại Singapore, Malaysia và Đức cho thấy hệ thống Tòa án công khai rất nhiều thông tin trong quá trình hoạt động trên cổng thông tin điện tử của các Tòa án. Thực tiễn này giúp cho hoạt động của hệ thống Tòa án trở nên minh bạch hơn, dễ tiếp cận hơn cho người dân trong thời đại công nghệ thông tin phát triển. Kinh nghiệm này đã giúp hệ thống Tòa án trở nên "gần dân" hơn. Do đó, TAND các cấp cần nâng cao hiệu quả của các phương thức công khai thông tin theo phương thức truyền thống và trực tuyến để người dân,

doanh nghiệp có thể hiểu biết rõ hơn quy trình tố tụng và những cải cách, thay đổi của ngành Tòa án liên quan đến hoạt động tố tụng, như thông tin về lịch biểu giải quyết vụ án hoặc lịch xét xử, tỷ lệ giải quyết vụ án, tỷ lệ về án tồn đọng, công khai các bản án...

b. Hệ thống Tòa án cần cải thiện hoạt động của hệ thống hành chính tư pháp phục vụ được nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, đáp ứng được công tác hỗ trợ xét xử trong hoạt động của Tòa án

Hệ thống Tòa án cần triển khai đồng bộ và thống nhất trên toàn quốc một mô hình tiếp nhận đơn khởi kiện để thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp theo hình thức "mô hình hành chính tư pháp một cửa". Kinh nghiệm áp dụng thí điểm mô hình "tổ hành chính tư pháp một cửa" của một số Tòa án đã đem lại hiệu quả về thời gian, chi phí tuân thủ. Ngoài ra, để việc tiếp nhận đơn khởi kiện được nhanh chóng, dễ dàng cho người dân, doanh nghiệp thì Tòa án phải hỗ trợ các bên đương sự, luật sư trong việc tìm kiếm chứng cứ để giải quyết vụ án.

Cùng với việc hình thành mô hình thống nhất toàn quốc về hành chính tư pháp, phương thức giao dịch giữa Tòa án với người dân bằng phương thức điện tử cần được đẩy mạnh vì các điều kiện pháp lý đã đầy đủ, như quy định tại BLTTDS 2015, Hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Bộ luật Dân sự... Trong thời đại công nghệ thông tin, giao dịch điện tử giữa Tòa án với người dân, doanh nghiệp cũng sẽ tăng cường tính công khai, minh bạch của hoạt động Tòa án, thúc đẩy Tòa án "gần dân" hơn và công bằng hơn. Kinh nghiệm của Singapore về hệ thống eLitigation để giúp cho các luật sư có thể tương tác trong quá trình giải quyết vụ án hay kinh nghiệm của Malaysia và Đức về một cổng thông tin điện tử cung cấp các dịch vụ bổ trợ tư pháp, thông tin về tình hình giải quyết vụ án đã giúp cho hoạt động của Toà án trở nên minh bạch hơn, và "gần dân" hơn trong thời đại công nghệ số.

5. Phát triển hệ thống Tòa chuyên trách liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại và tăng cường tính chuyên nghiệp của hệ thống Tòa án

a. Phát triển hệ thống Tòa chuyên trách trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và phát triển đội ngũ Thẩm phán chuyên trách các vụ án kinh doanh thương mại

Tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại có mối liên hệ mật thiết tới chất lượng giải quyết vụ án cũng như là thời gian giải quyết vụ án và thông qua đó có thể tăng cường được liêm chính của hệ thống tư pháp theo hướng dẫn của Các Nguyên tắc Bangalore. Trong bối cảnh Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, độ mở của nền kinh tế thuộc loại cao nên đòi hỏi các Thẩm phán phải bắt kịp được sự phát triển của nền kinh tế[14]. Bên cạnh giải pháp về tuyển chọn Thẩm phán từ những nguồn bên ngoài hệ thống Tòa án để có được nhân sự có kiến thức, kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh, giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài thì hệ thống Tòa án cũng cần có những Thẩm phán được tập trung đào tạo, có chuyên môn sâu về các án kinh doanh thương mại, bao gồm các lĩnh vực như tổ chức hoạt động doanh nghiệp, tài chính - tín dụng, hỗ trợ cho hoạt động giải quyết tranh chấp lựa chọn ngoài hệ thống Tòa án như trọng tài, hoà giải thương mại. Kinh nghiệm của Singapore về tuyển chọn Thẩm phán hoặc cử Thẩm phán sang các quốc gia có nền kinh tế và có hệ thống pháp luật phát triển là một kinh nghiệm có thể tham khảo.

Tại một số địa phương là đầu mối về phát triển kinh tế như Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, TANDTC có thể thành lập thêm các Tòa chuyên trách trong một số lĩnh vực, như Tòa Phá sản, Tòa Xây dựng, Tòa Môi trường, Tòa Sở hữu trí tuệ... tương tự như Singapore, Malaysia và Đức. Tại các quốc gia được nghiên cứu, mỗi quốc gia đều có các hệ thống Tòa án chuyên trách khác nhau dựa trên đặc điểm và số lượng các loại vụ án và nhu cầu về phát triển hoạt động kinh doanh thương mại tại quốc gia đó.

b. Hoàn thiện cơ chế phân công giải quyết vụ án để hỗ trợ tính chuyên nghiệp và bảo đảm tính độc lập và liêm chính của Thẩm phán

---

[14] Quốc Bình, *Cần kiểm soát độ mở của nền kinh tế,* Báo Thời nay, 22/07/2020, https://nhandan.com.vn/baothoinay-kinhte/can-kiem-soat-do-mo-cua-nen-kinh-te-610302/.

Phân công án ngẫu nhiên tự động hay phân công án ngẫu nhiên có điều kiện là phụ thuộc vào điều kiện về pháp lý, truyền thống tư pháp hay năng lực của đội ngũ Thẩm phán. Đức áp dụng phân công án ngẫu nhiên có điều kiện nhằm mục tiêu phân công án phù hợp với năng lực chuyên môn của Thẩm phán trong khi Singapore và Malaysia thì áp dụng việc phân công án ngẫu nhiên tự động với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Tuy nhiên, phương thức, tiêu chí và điều kiện phân công án của cả ba quốc gia (Singapore, Malaysia và Đức) đều được công khai. Đây là một kinh nghiệm tốt để Việt Nam có thể tham khảo.

Với thực tiễn các Thẩm phán của Việt Nam có năng lực không đồng đều nên việc áp dụng phương thức phân công án tự nhiên có điều kiện sẽ giúp các Tòa án có được nhân sự phù hợp để giải quyết từng loại tranh chấp, từng vụ án cụ thể. Hệ thống Tòa án cần công khai các tiêu chí và điều kiện để phân công án cho phù hợp với năng lực cá nhân[15] để giúp cho hoạt động của Tòa án trở nên minh bạch hơn, có trách nhiệm giải trình với người dân, doanh nghiệp.

Cuối cùng, liêm chính tư pháp có quan hệ trực tiếp tới phát triển kinh tế, môi trường kinh doanh. Chất lượng của liêm chính tư pháp hiện nay tại Việt Nam chưa tạo ra một "điểm nghẽn" đối với tăng trưởng kinh tế nhưng nếu Việt Nam muốn tiếp tục phát triển kinh tế và xã hội nhanh và mạnh hơn nữa thì vấn đề liêm chính tư pháp cần phải cải thiện để khuyến khích được nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn đầu tư tại Việt Nam./.

[15] Nguyễn Hưng Quang và các tác giả (2020b), *Báo cáo Những thực tiễn tốt về thực hiện thủ tục hành chính tư pháp nhằm tăng cường tính liêm chính của Tòa án*, Tòa án nhân dân tối cao – Dự án thúc đẩy môi trường kinh doanh công bằng ở ASEAN – Chính phủ Vương Quốc Anh – Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc, trang 26; Phạm Hồng Lĩnh (2017), sđd, trang 11-12; Kha Miên (2017), sđd.